SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1186/QĐ-BVTC

Tân Châu, ngày 18 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: May trang phục y tế cho nhân viên năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN CHÂU

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 của Quốc hội ngày 21 tháng 06 năm 2017;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư, theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc công nhận hạng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1936/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang ngày 14 tháng 11 năm 2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu;

Căn cứ Kế hoạch mua sắm trang phục y tế năm 2026 số 949/KH-BVTC, ngày 16 tháng 09 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu.

Căn cứ Quyết định về việc phê duyệt danh mục, dự toán gói thầu: May trang phục y tế năm 2026 số 1183/QĐ-BVTC, ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu.

Xét đề nghị của Tổ mua sắm tại Tờ trình số 29/TTr-TMS ngày 18/11/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: May trang phục y tế cho nhân viên năm 2026

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm gói thầu: **May trang phục y tế cho nhân viên năm 2026**, với các nội dung chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm.

Điều 2. Giao Tổ Mua sắm, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ Mua sắm, Trưởng Phòng Tổ chức hành chính, Trưởng Phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Lưu VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN CHÂU

Nguyễn Văn No

Phụ lục 1
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM:
May trang phục y tế cho nhân viên năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1186/QĐ-BVTC ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Tân Châu)

Stt	Tên chủ đầu tư[2]	Tên gói thầu[3]		Giá gói thầu[4]	Nguồn vốn[5]	Hình thức lựa chọn nhà thầu[6]	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu[7]	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu[8]	Loại hợp đồng[9]	Thời gian thực hiện gói thầu[10]	Tùy chọn mua thêm[11])
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu								
1	Bệnh viện Đa khoa Tân Châu	May trang phục y tế cho nhân viên năm 2026	May trang phục y tế cho nhân viên năm 2026	212.548.333 vnđ	Nguồn thu khám chữa bệnh.	Chào giá trực tuyến rút gọn	02 tháng	Quý IV năm 2026	Hợp đồng trọn gói	06 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu:				212.548.333 vnđ **(Bằng chữ: Hai trăm mười hai triệu, năm trăm bốn mươi tám ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng)**							

Phụ lục 2
DANH MỤC HÀNG HÓA GÓI THẦU:
May trang phục y tế cho nhân viên năm 2026
(Kèm theo Quyết định số: 1186/QĐ-BVTC ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Tân Châu)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
1	Trang phục Bác sĩ	60	Bộ	*** Áo:** - Màu sắc: màu trắng. - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (256x266)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (847/S x 841/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (Dọc x Ngang): (-1.1x-0.8)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 65.6±0.2 + Cotton 34.4±0.2 *** Quần** - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 251.3±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (470x337)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (794/S x sợi Filament,

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.8x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 74.1±0.2 + Rayon 23.5±0.2 + Spandex 2.4±0.2 *** Mũ:** theo màu sắc của áo
2	Trang phục Cử nhân điều dưỡng hộ sinh	79	Bộ	*** Áo** - Màu sắc: màu trắng - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (256x266)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (847/S x 841/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.1x-0.8)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 65.6±0.2 + Cotton 34.4±0.2 *** Quần** - Màu sắc: Màu trắng.

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				- Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 251.3±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (470x337)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (794/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.8x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 74.1±0.2 + Rayon 23.5±0.2 + Spandex 2.4±0.2 *** Mũ**: theo màu sắc của áo
3	Trang phục Điều dưỡng trung học, y sĩ, hộ sinh	34	Bộ	*** Áo** - Màu sắc: màu trắng - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (256x266)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (847/S x 841/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.1x-0.8)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				- Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 65.6±0.2 + Cotton 34.4±0.2 *** Quần** - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 251.3±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (470x337)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (794/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.8x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 74.1±0.2 + Rayon 23.5±0.2 + Spandex 2.4±0.2 *** Mũ**: theo màu sắc của áo
4	Trang phục Dược sĩ đại học, cao đẳng	24	Bộ	*** Áo:** - Màu sắc: màu trắng - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (256x266)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (847/S x 841/S)±1

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.1x-0.8)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 65.6±0.2 + Cotton 34.4±0.2 *** Quần** - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 251.3±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (470x337)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (794/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.8x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 74.1±0.2 + Rayon 23.5±0.2 + Spandex 2.4±0.2 *** Mũ:** theo màu sắc của áo.

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
5	Trang phục Dược sĩ trung học	3	Bộ	*** Áo:** - Màu sắc: màu trắng - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (256x266)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (847/S x 841/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.1x-0.8)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 65.6±0.2 + Cotton 34.4±0.2 *** Quần** - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 251.3±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (470x337)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (794/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.8x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				+ Polyester 74.1±0.2 + Rayon 23.5±0.2 + Spandex 2.4±0.2 *** Mũ**: theo màu sắc của áo.
6	Trang phục Cử nhân xét nghiệm	13	Bộ	*** Áo** - Màu sắc: màu trắng - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (256x266)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (847/S x 841/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.1x-0.8)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 65.6±0.2 + Cotton 34.4±0.2 *** Quần** - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 251.3±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (470x337)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (794/S x sợi Filament,

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.8x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 74.1±0.2 + Rayon 23.5±0.2 + Spandex 2.4±0.2 *** Mũ**: theo màu sắc của áo
7	Trang phục Kỹ thuật viên đại học cao đẳng	10	Bộ	*** Áo** - Màu sắc: màu trắng - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (256x266)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (847/S x 841/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.1x-0.8)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 65.6±0.2 + Cotton 34.4±0.2 *** Quần** - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				- Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 251.3±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (470x337)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (794/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.8x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 74.1±0.2 + Rayon 23.5±0.2 + Spandex 2.4±0.2 *** Mũ**: theo màu sắc của áo
8	Trang phục Kỹ thuật viên trung học	3	Bộ	*** Áo** - Màu sắc: màu trắng - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (256x266)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (847/S x 841/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.1x-0.8)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 65.6±0.2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				+ Cotton 34.4±0.2 *** Quần** - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 251.3±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (470x337)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (794/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.8x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 74.1±0.2 + Rayon 23.5±0.2 + Spandex 2.4±0.2 *** Mũ**: theo màu sắc của áo
9	Trang phục Hành chính	25	Bộ	*** Áo** - Màu sắc: màu sáng - Chất liệu: Kate Mỹ hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay, in logo trên ngực trái theo mẫu của đơn vị. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 121.7±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (397x320)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (982/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.8x-0.1)±0.2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				- Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 79.6±0.2 + Rayon 20.4±0.2 *** Quần hoặc chân váy** - Màu sắc: màu sẫm - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo. Chân váy tối thiểu dài ngang gối. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 257.0±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (450x340)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (849/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.5x-0.1)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 71.9±0.2 + Rayon 24.2±0.2 + Spandex 3.9±0.2
10	Trang phục Kiểm soát nhiễm khuẩn (Hộ lý)	3	Bộ	*** Áo:** - Màu sắc: Màu xanh hòa bình. - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: cổ trái tim, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 02 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, in logo trên ngực trái theo mẫu của đơn vị. *** Quần** - Màu sắc: Màu xanh hòa bình.

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				- Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 2 túi chéo. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 154.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (254x277)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (822/S x 835/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(DọcxNgang) : (-1.0x-1.1)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 65.5±0.2 + Cotton 34.5±0.2
11	Trang phục Kỹ sư môi trường	1	Bộ	*** Áo** - Màu sắc: màu xanh đen. - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.7 ±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (250x270)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (830/Sx818/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.0x-1.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 67.0±0.2 + Cotton 33.0±0.2 *** Quần**

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				- Màu sắc: màu xanh đen. - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 259.5±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (460x340)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (844/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.6x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 73.6±0.2 + Rayon 23.6±0.2 + Spandex 2.8±0.2
12	Trang phục Dinh dưỡng	5	Bộ	*** Áo:** - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo cổ chữ V, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, có Logo của Bệnh viện. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (256x266)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (847/S x 841/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.1x-0.8)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				+ Polyester 65.6±0.2 + Cotton 34.4±0.2 *** Quần:** - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, không có túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 251.3±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (470x337)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (794/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.8x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 74.1±0.2 + Rayon 23.5±0.2 + Spandex 2.4±0.2 *** Mũ:** theo màu sắc của áo
13	Trang phục Kỹ sư điện nước	2	Bộ	*** Áo** - Màu sắc: màu xanh đen. - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.7 ±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (250x270)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (830/Sx818/S)±1

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.0x-1.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 67.0±0.2 + Cotton 33.0±0.2 *** Quần** - Màu sắc: màu xanh đen. - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 259.5±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (460x340)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (844/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.6x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 73.6±0.2 + Rayon 23.6±0.2 + Spandex 2.8±0.2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
14	Trang phục Tài xế	4	Bộ	*** Áo** - Màu sắc: màu xanh đen. - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.7 ±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (250x270)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (830/Sx818/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.0x-1.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 67.0±0.2 + Cotton 33.0±0.2 *** Quần** - Màu sắc: màu xanh đen. - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 259.5±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (460x340)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (844/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.6x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				+ Polyester 73.6±0.2 + Rayon 23.6±0.2 + Spandex 2.8±0.2
15	Trang phục Bảo vệ	6	Bộ	*** Áo:** - Màu sắc: Màu xanh cô ban sẫm - Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo cổ đức, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay, gấu tay có măng séc, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 151.1±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (252x268)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (876/S x 856/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(DọcxNgang) : (-1.0x-1.1)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 66.2±0.2 + Cotton 33.8±0.2 *** Quần:** - Màu sắc: xanh đen; - Chất liệu Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 259.5±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (460x340)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (844/S x sợi Filament,

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.6x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 73.6±0.2 + Rayon 23.6±0.2 + Spandex 2.8±0.2
16	Trang phục Giữ xe	3	Bộ	*** Áo** - Màu sắc: màu xanh đen. - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 153.7 ±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (250x270)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (830/Sx818/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-1.0x-1.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 67.0±0.2 + Cotton 33.0±0.2 *** Quần** - Màu sắc: màu xanh đen. - Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				- Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 259.5±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (460x340)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (844/S x sợi Filament, không có xoắn)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) : (-0.6x0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 73.6±0.2 + Rayon 23.6±0.2 + Spandex 2.8±0.2
17	Trang phục Y công	9	Bộ	*** Áo:** - Màu sắc: Màu xanh hòa bình. - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: cổ trái tim, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 02 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, in logo trên ngực trái theo mẫu của đơn vị. *** Quần** - Màu sắc: Màu xanh hòa bình. - Chất liệu: Kate Ford hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 2 túi chéo. - Khối lượng vải (g/m2) (ISO 3801:1977) : 154.6±0.2 - Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) : (254x277)±1 - Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984) (DọcxNgang) : (822/S x 835/S)±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(DọcxNgang) : (-1.0x-1.1)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010): Phai màu cấp 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011 : Không phát hiện (<16PPM)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
				- Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) + Polyester 65.5±0.2 + Cotton 34.5±0.2